TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều**.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Vĩnh Tuyền;
2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Tòng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn***:** Chị Nguyễn Thị Bảo D, sinh năm 1993;
Nơi cư trú: Tổ 10, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
2. Bị đơn: Anh Trương Quốc T, sinh năm 1991;
Nơi cư trú: Tổ 10, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
Chị D, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Bảo D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh Trương Quốc T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên cờ bạc không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi không có hạnh phúc chị và anh T không chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Nay chị D nhận thấy tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T chung sống có 01 con chung là Trương Quốc Bảo K, sinh ngày 24/12/2012 chị D yêu cầu nuôi cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Trương Quốc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời khai của chị D về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn gia đình. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung*:* Anh T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị D về con chung. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trương Quốc Bảo K 2.000.000 đồng/tháng thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo D và bị đơn anh Trương Quốc T vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị D và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị D và anh T tự nguyện thỏa thuận giao 01 con chung là cháu Trương Quốc Bảo K, sinh ngày 24/12/2012 giao cho chị D nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bảo D và anh Trương Quốc T là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bảo D và anh Trương Quốc T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị D và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Trương Quốc Bảo K, sinh ngày 24/12/2012. Chị D, anh T thỏa thuận giao cháu K cho chị D nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử (09/01/2018) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận của chị D và anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bảo D, anh Trương Quốc T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bảo D và anh Trương Quốc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Bảo D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Quốc Bảo K, sinh ngày 24/12/2012. Ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 09/01/2018 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị D và các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bảo D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo theo biên lai thu số 0004553 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trương Quốc T phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

Chị Nguyễn Thị Bảo D và anh Trương Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (Tr)

Phạm Oanh Kiều